

Số: 05/QĐ-THS1TG

Tuần Giáo, ngày 18 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai bổ sung giao dự toán chi thường xuyên năm 2026 của trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo

Căn cứ Luật ngân sách số 89/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 của Trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo (chi tiết như biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 18/8/2026 đến 17/9/2026 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Hoà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-THSITG ngày 18/8/2026 của Trường TH số 1 Tuần Giáo)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	290.022.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	290.022.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	

2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Tuần Giáo, Ngày 18 tháng 08 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Thị Hoà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TUẦN GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 822 /QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung dự toán chi thường xuyên (đợt 5),
dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Thông tư số 66/2026/TT-BTC ngày 16/6/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tuần Giáo chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 197-TB/ĐU ngày 13/8/2026 của Thường trực Đảng ủy xã Tuần Giáo về chủ trương bổ sung dự toán chi thường xuyên, dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 279-TB/ĐU ngày 13/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND xã Tuần Giáo về chủ trương bổ sung dự toán chi thường xuyên, dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 197/TTr-PKT ngày 26/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi thường xuyên, dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 với số tiền 4.806.478.580 đồng (Bốn tỷ, tám trăm linh

sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi đồng) từ nguồn dự toán chi chưa phân bổ tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 và Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tuần Giáo, cụ thể:

- Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo: **1.625.200.000 đồng**, gồm:

- + Sự nghiệp giáo dục: 238.000.000 đồng.
- + Sự nghiệp đào tạo: 15.000.000 đồng.
- + Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 913.000.000 đồng.

+ Chi khác ngân sách xã: 327.200.000 đồng.

+ Chi QLNN, Đảng, Mặt trận tổ quốc: 132.000.000 đồng.

(Chi tiết như Biểu số 01 kèm theo)

- Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tuần Giáo: **3.181.278.580 đồng**, gồm:

+ Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết: 2.475.000 đồng.

+ 70% tăng thu thực hiện so với dự toán: 2.747.000.000 đồng.

+ 70% dự toán chi còn lại của cấp ngân sách: 431.803.580 đồng.

(Chi tiết như Biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 5; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Quàng Văn Cường

BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Đơn vị	Khoản	Nguồn	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm năm 2026 (*)	Các khoản trừ		Chênh lệch nhu cầu và nguồn	Tổng số kinh phí bổ sung đợt này	Trong đó:		
					40% thu học phí năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 tại đơn vị	Thu sự nghiệp			Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết	70% tăng thu thực hiện so với dự toán	70% dự toán chi còn lại của cấp NS
	Tổng số			5.010.094.580	238.190.000	0	4.771.904.580	3.181.278.580	2.475.000	2.747.000.000	431.803.580
1	Trường MN Tuấn Giáo	071	13	331.595.243	51.136.000		280.459.243	186.973.000		186.973.000	
2	Trường MN 20/7	071	13	152.841.993	19.760.000		133.081.993	88.722.000		88.722.000	
3	Trường MN Quài Cang	071	13	445.090.162	43.010.000		402.080.162	268.053.580	2.475.000	3.024.000	262.554.580
4	Trường MN Quài Nưa	071	13	253.872.433			253.872.433	169.249.000			169.249.000
5	Trường MN Sơn Ca	071	13	190.256.499			190.256.499	126.838.000		126.838.000	
6	Trường TH số 1 Tuấn Giáo	072	13	435.032.687			435.032.687	290.022.000		290.022.000	
7	Trường TH số 2 Tuấn Giáo	072	13	188.263.083			188.263.083	125.509.000		125.509.000	
8	Trường TH Quài Cang	072	13	467.072.946			467.072.946	311.382.000		311.382.000	
9	Trường TH số 2 Quài Cang	072	13	310.262.436			310.262.436	206.842.000		206.842.000	
10	Trường TH số 1 Quài Nưa	072	13	335.447.061			335.447.061	223.632.000		223.632.000	
11	Trường TH số 2 Quài Nưa	072	13	190.077.506			190.077.506	126.719.000		126.719.000	
12	Trường THCS Tuấn Giáo	073	13	407.042.833	72.170.000		334.872.833	223.249.000		223.249.000	
13	Trường THCS Quài Cang	073	13	481.449.443	23.794.000		457.655.443	305.104.000		305.104.000	
14	Trường THCS Quài Nưa	073	13	296.337.667	28.320.000		268.017.667	178.679.000		178.679.000	
15	Trung tâm Chính trị	083	13	19.091.834			19.091.834	12.728.000		12.728.000	
16	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	281	13	44.041.278			44.041.278	29.361.000		29.361.000	

Số TT	Đơn vị	Khoản	Nguồn	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm năm 2026 (*)	Các khoản trừ		Chênh lệch nhu cầu và nguồn	Tổng số kinh phí bổ sung đợt này	Trong đó:		
					40% thu học phí năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 tại đơn vị	Thu sự nghiệp			Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết	70% tăng thu thực hiện so với dự toán	70% dự toán chi còn lại của cấp NS
17	Văn phòng Đảng ủy	351	13	148.541.430			148.541.430	99.028.000		99.028.000	
18	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	361	13	57.028.614			57.028.614	38.020.000		38.020.000	
19	Văn phòng HĐND và UBND	341	13	116.090.817			116.090.817	77.394.000		77.394.000	
20	Phòng Kinh tế	341	13	34.280.256			34.280.256	22.854.000		22.854.000	
21	Phòng Văn hóa - Xã hội	341	13	41.882.859			41.882.859	27.922.000		27.922.000	
22	Trung tâm Phục vụ hành chính công	341	13	36.319.260			36.319.260	24.213.000		24.213.000	
23	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	341	13	28.176.240			28.176.240	18.785.000		18.785.000	

Ghi chú: (*) Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm năm 2026 chưa bao gồm Nghị định 76/2019/NĐ-CP, Nghị định 182/2026/NĐ-CP, quy tiền thường, một số loại phụ cấp, trợ cấp khác ...)